

Số: 2189/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 15 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đông – Địa chỉ thường trú: Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư khu 4C thuộc KDC số 4 (giai đoạn 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 05/3/2008 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư khu 4C thuộc KDC số 4 (giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 04/6/2008 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư khu 4C thuộc KDC số 4 (giai đoạn 2);

Căn cứ Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư khu 4C thuộc KDC số 4 (giai đoạn 2);

Căn cứ Biên bản ngày 09/11/2021 của UBND thành phố Lai Châu về việc Họp giải quyết đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Đông – Địa chỉ: Số nhà 222, đường Trần Phú, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 139/TTr-TNMT ngày 15 /11/2021 và Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 332/TTr-TTPTQĐ ngày 11/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đông – địa chỉ thường trú: Số nhà 222, đường Trần Phú, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư khu 4C thuộc KDC số 4 (giai đoạn 2), cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả là: **93.558.496 đồng**.

(Bằng chữ: Chín mươi ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng)

Trong đó:

| | |
|---------------------------|-----------------|
| - Chi trả cho chủ sở hữu: | 93.558.496 đồng |
| + Đất: | 18.044.000 đồng |
| + Tài sản, vật kiến trúc: | 5.754.496 đồng |
| + Cây cối, hoa màu: | 15.628.000 đồng |
| + Chính sách hỗ trợ: | 54.132.000 đồng |

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thay thế các Quyết định: Số 294/QĐ-UBND ngày 05/3/2008; số 755/QĐ-UBND ngày 04/6/2008 của UBND tỉnh Lai Châu và Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 của UBND thành phố Lai Châu.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Đoàn Kết; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

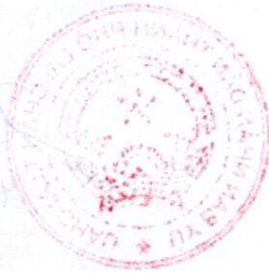
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- UBND phường Tân Phong;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Xiêng



[Handwritten signature]

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

**Đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đông - Địa chỉ thường trú: Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu
tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư 4C thuộc khu dân cư số 4 (giai đoạn 2)**

(Kèm theo Quyết định số: 2189 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)

| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (Đồng) |
|----------|---|----------------|----------|-----------|----------------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6=4*5</i> |
| A | Tổng cộng | | | | 93.558.496 |
| I | Chi trả cho chủ sở hữu | | | | 93.558.496 |
| 1 | Về đất | | | | 18.044.000 |
| 2 | Về tài sản vật kiến trúc | | | | 5.754.496 |
| 3 | Về cây cối hoa màu | | | | 15.628.000 |
| 4 | Về chính sách hỗ trợ | | | | 54.132.000 |
| B | Chi tiết cho hộ dân | | | | 93.558.496 |
| 1 | Đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đông | | | | |
| | Địa chỉ thường trú: Tổ 4, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu | | | | |
| | Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (bằng a+b+c+d) | | | | |
| | | | | | 93.558.496 |
| a | Về đất | | | | 18.044.000 |
| 1 | Diện tích thu hồi | m ² | 694 | | |
| 2 | Loại đất | | | | |
| 2.1 | Thửa 104b, diện tích 305m ² , loại đất: đất bằng trồng cây hàng năm khác | m ² | 305 | 26.000 | 7.930.000 |
| 2.2 | Thửa 206b, diện tích 204m ² , loại đất: đất bằng trồng cây hàng năm khác | m ² | 204 | 26.000 | 5.304.000 |
| 2.3 | Thửa 206c, diện tích 185m ² , loại đất: đất bằng trồng cây hàng năm khác | m ² | 185 | 26.000 | 4.810.000 |
| 2.4 | Vị trí: Vị trí 1 | | | | |
| | Nguồn gốc sử dụng đất: Theo Giấy xác minh nguồn gốc đất năm 2008 của UBND phường (Kèm theo hồ sơ bồi thường dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tái định cư khu 4c, thuộc khu dân cư số 4 (giai đoạn 2) : Đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đông sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp trồng ngô; đất gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp. | | | | |
| b | Về tài sản vật kiến trúc | | | | 5.754.496 |
| 1 | Hào đào thủ công (20*0.6*0.7) | m ³ | 8,4 | 82.500 | 693.000 |
| 2 | Hào đào thủ công (20*1.5*2.0) | m ³ | 60 | 82.500 | 4.950.000 |
| 3 | Cọc bê tông cốt thép (0.1*0.1*2)*4 | m ³ | 0,08 | 1.393.700 | 111.496 |
| c | Về cây cối hoa màu | | | | 15.628.000 |
| 1 | Sản lượng ngô 694m ² , 4 tấn/ha/năm | kg | 277,6 | 7.000 | 1.943.200 |
| 2 | Hàng rào cây sống | m | 64 | 7.200 | 460.800 |
| 3 | Cây xoài bán kính từ 1m đến dưới 2m | cây | 25 | 360.000 | 9.000.000 |
| 4 | Cây xoài bán kính từ 2m đến dưới 4m | cây | 1 | 540.000 | 540.000 |

| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền (Đồng) |
|----------|--|----------------|----------|---------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 |
| 5 | Cây đu đủ cho thu hoạch | cây | 1 | 144.000 | 144.000 |
| 6 | Cây đào bán kính từ 4m trở lên | cây | 2 | 600.000 | 1.200.000 |
| 7 | Cây lấy gỗ đường kính >10cm | cây | 10 | 42.000 | 420.000 |
| 8 | Rau màu gói vụ | m ² | 200 | 9.600 | 1.920.000 |
| d | Về chính sách hỗ trợ | | | | 54.132.000 |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác | m ² | 694 | 78.000 | 54.132.000 |



